

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 106/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Thuế thu nhập cá nhân

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Việc ủy nhiệm thu thuế phải được thực hiện thông qua hợp đồng giữa thủ trưởng cơ quan quản lý thuế với cơ quan, tổ chức, cá nhân được ủy nhiệm thu, trừ một số trường hợp ủy nhiệm thu đối với các khoản thu nhập có tính chất không thường xuyên theo quy định của Bộ Tài chính.”

2. Bổ sung thêm khoản 5 Điều 4 như sau:

“5. Trường hợp người nộp thuế tạm ngừng hoạt động kinh doanh có văn bản đề nghị gửi cơ quan quản lý thuế trực tiếp thì không phải nộp hồ sơ khai thuế trong thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh.”

3. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 Điều 5 như sau:

“1. Khi có thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế đã nộp, người nộp thuế phải thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp (ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế) trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi thông tin. Trường hợp nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế theo trình tự, thủ tục một cửa liên thông theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh thì thực hiện theo trình tự, thủ tục đó.

2. Trường hợp có sự thay đổi trụ sở của người nộp thuế dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, người nộp thuế có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế đã khai hoặc đề nghị hoàn số tiền thuế nộp thừa trước khi thay đổi trụ sở và không phải quyết toán thuế với cơ quan thuế, trừ trường hợp thời điểm thay đổi trụ sở trùng với thời điểm quyết toán thuế năm.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Khai thuế giá trị gia tăng.

1. Khai thuế giá trị gia tăng (trừ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) quy định như sau:

a) Khai theo tháng, trừ trường hợp khai theo từng lần phát sinh quy định tại điểm b khoản này và khai thuế theo phương pháp khoán.

b) Khai theo từng lần phát sinh áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ do người nộp thuế kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai mà không thành lập đơn vị trực thuộc tại địa phương cấp tỉnh khác với nơi đóng trụ sở chính (sau đây gọi là kinh doanh ngoại tỉnh); trường hợp khai thuế phát sinh nhiều lần trong một tháng thì người nộp thuế có thể đăng ký với cơ quan quản lý thuế để chuyển sang khai thuế giá trị gia tăng theo tháng. Trường hợp khai theo từng lần phát sinh khác do Bộ Tài chính quy định.

2. Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng:

a) Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tháng gồm:

- Tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng;
- Bảng kê hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ;
- Bảng kê hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ.

b) Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng theo từng lần phát sinh đối với trường hợp kinh doanh ngoại tỉnh là tờ khai thuế giá trị gia tăng.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Khai thuế tiêu thụ đặc biệt.

1. Khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo tháng áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu).

2. Hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt gồm:

- a) Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt tháng;
- b) Bảng kê hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;
- c) Bảng kê thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ (nếu có).”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Điều này bao gồm: khai thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2. Việc khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện theo từng lần phát sinh.

Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đăng ký Tờ khai hải quan một lần để xuất khẩu, nhập khẩu nhiều lần thì việc khai thuế, tính thuế thực hiện theo từng lần thực tế xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm làm thủ tục hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hoặc đã được miễn thuế, xét miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế, xét miễn thuế thì người nộp thuế phải khai thuế chậm nhất là mười ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

4. Hồ sơ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hồ sơ hải quan.

5. Việc khai thuế bổ sung và hồ sơ khai thuế bổ sung đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Khai thuế môn bài như sau:

a) Khai thuế môn bài một lần khi người nộp thuế mới ra hoạt động kinh doanh chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng bắt đầu hoạt động kinh doanh. Trường hợp

người nộp thuế mới thành lập cơ sở kinh doanh nhưng chưa thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh thì phải khai thuế môn bài trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

b) Khai thuế môn bài theo năm trong trường hợp có sự thay đổi về mức thuế môn bài phải nộp.”

8. Bổ sung thêm điểm d vào khoản 1 Điều 15 như sau:

“d) Khai lệ phí hải quan thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập cá nhân) của tổ chức (hoặc cá nhân) nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam (gọi là nhà thầu nước ngoài); khai thuế khấu trừ và nộp thay cho các hãng vận tải nước ngoài.

1. Khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập cá nhân) của nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam (sau đây gọi là thuế nhà thầu nước ngoài) quy định như sau:

a) Khai thuế nhà thầu nước ngoài theo từng lần phát sinh. Trường hợp khai thuế phát sinh nhiều lần trong một tháng thì người nộp thuế có thể đăng ký với cơ quan quản lý thuế để chuyển sang khai thuế theo tháng;

b) Khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài khi kết thúc hợp đồng nhà thầu.

2. Hồ sơ khai thuế nhà thầu nước ngoài quy định như sau:

a) Hồ sơ khai thuế nhà thầu nước ngoài theo từng lần phát sinh hoặc khai theo tháng bao gồm:

- Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài;

- Bản sao hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ và bản tóm tắt hợp đồng bằng tiếng Việt Nam liên quan đến số thuế kê khai (đối với lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng nhà thầu).

b) Hồ sơ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài bao gồm:

- Tờ khai quyết toán thuế;

- Bảng kê các nhà thầu, nhà thầu phụ tham gia thực hiện hợp đồng nhà thầu;

- Bảng kê chứng từ nộp thuế theo các lần thanh toán;

- Bản thanh lý hợp đồng.

3. Khai thuế khấu trừ và nộp thay cho các hãng vận tải nước ngoài:

a) Khai thuế khấu trừ và nộp thay cho các hãng vận tải nước ngoài là loại khai theo tháng.

b) Tổ chức làm đại lý vận tải hoặc đại lý giao nhận hàng hóa vận chuyển cho các hãng vận tải nước ngoài có trách nhiệm khấu trừ, khai và nộp thuế thay cho các hãng vận tải nước ngoài. Hồ sơ khai thuế được nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên đại lý vận tải hoặc đại lý giao nhận hàng hóa, bao gồm:

- Tờ khai thuế;
- Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế;
- Các tài liệu khác kèm theo”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Khai thuế đối với hoạt động khai thác, xuất khẩu dầu thô và hoạt động sản xuất thủy điện như sau:

1. Đối với hoạt động khai thác, xuất khẩu dầu thô:

a) Khai thuế đối với khai thác và xuất khẩu dầu thô như sau:

- Khai thuế xuất khẩu, thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần xuất khẩu dầu thô;

- Khai quyết toán thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp theo năm hoặc khi kết thúc, chấm dứt hợp đồng khai thác dầu khí.

b) Bộ Tài chính quy định việc khai thuế, nộp thuế đối với hoạt động khai thác, xuất khẩu dầu thô phù hợp với giao dịch, thanh toán tiền dầu xuất khẩu.

2. Đối với hoạt động sản xuất thủy điện:

a) Khai, nộp thuế giá trị gia tăng: cơ sở sản xuất thủy điện thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng tại địa phương nơi đóng trụ sở chính và nộp thuế giá trị gia tăng vào kho bạc địa phương nơi có nhà máy sản xuất thủy điện (nơi có tuabin, đập thủy điện và những cơ sở vật chất chủ yếu của nhà máy điện). Trường hợp nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì thuế giá trị gia tăng do cơ sở sản xuất thủy điện nộp ngân sách các tỉnh thực hiện theo tỷ lệ tương ứng giá trị đầu tư của nhà máy nằm trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp: công ty thủy điện hạch toán độc lập có các cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc ở địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với địa bàn nơi công ty thủy điện đóng trụ sở chính; các cơ sở sản

xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là EVN) (bao gồm các công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc và các nhà máy thủy điện phụ thuộc) đóng ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi có trụ sở chính của Văn phòng EVN thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được tính nộp ở nơi có trụ sở chính và nơi có các cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc. Trường hợp nhà máy sản xuất thủy điện (nơi có tuabin, đập thủy điện và những cơ sở vật chất chủ yếu của nhà máy điện) nằm chung trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì số thuế thu nhập doanh nghiệp do công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN nộp ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo tỷ lệ giá trị đầu tư nhà máy nằm trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tương ứng.

c) Khai, nộp thuế tài nguyên: cơ sở sản xuất thủy điện thực hiện khai, nộp thuế tài nguyên tại địa phương nơi đăng ký kê khai nộp thuế. Trường hợp thuế tài nguyên của cơ sở sản xuất thủy điện được phân chia cho các địa phương khác nhau thì cơ sở sản xuất thủy điện nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên cho cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký kê khai thuế (hoặc nơi đóng trụ sở) và sao gửi hồ sơ khai thuế tài nguyên cho cơ quan thuế địa phương nơi được hưởng nguồn thu thuế tài nguyên, thực hiện nộp thuế tài nguyên cho ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở diện tích lòng hồ thủy điện; kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư; số hộ dân phải di chuyển tái định cư và giá trị đền bù thiệt hại ở lòng hồ.

d) Việc xác định nguồn thu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên quy định tại các điểm a, b, c khoản này áp dụng đối với các nhà máy thủy điện bắt đầu đi vào sản xuất kinh doanh từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Khai thuế đối với trường hợp nộp thuế theo phương pháp khoán thuế.

1. Khai thuế theo năm áp dụng đối với hoạt động kinh doanh thường xuyên của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

2. Khai thuế theo từng lần phát sinh áp dụng đối với hoạt động kinh doanh không thường xuyên của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

3. Cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán phải kê khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, trừ trường hợp thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 25 Luật Thuế giá trị gia tăng và trường hợp chưa

đến mức phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân.

Bộ Tài chính quy định cụ thể mức doanh số làm căn cứ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh quy định tại khoản này”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế.

1. Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế; hồ sơ khai phí, lệ phí và khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

2. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế nhà, đất; hồ sơ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp; hồ sơ khai lệ phí trước bạ; hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh ngoại tỉnh và hồ sơ khai thuế theo phương pháp khoán được nộp tại Chi Cục thuế địa phương nơi phát sinh các loại thuế này.

3. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên đối với hoạt động khai thác tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản mà người nộp thuế có trụ sở chính ở cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với nơi cơ sở có hoạt động khai thác tài nguyên, chuyển nhượng bất động sản là tại cơ quan quản lý thuế trực tiếp (Cục thuế hoặc Chi Cục thuế) nơi có hoạt động khai thác tài nguyên, nơi chuyển nhượng bất động sản. Trường hợp người nộp thuế có trụ sở chính tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này nhưng có hoạt động khai thác tài nguyên, chuyển nhượng bất động sản tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan quản lý thuế (Cục thuế hoặc Chi Cục thuế) nơi phát sinh hoạt động khai thác tài nguyên, chuyển nhượng bất động sản.

4. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với trường hợp người nộp thuế có cơ sở sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đóng trụ sở chính là nơi có cơ sở sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

5. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cơ quan Hải quan nơi đăng ký Tờ khai hải quan.

6. Trường hợp nộp hồ sơ khai thuế theo trình tự, thủ tục một cửa liên thông thì địa điểm nộp hồ sơ khai thuế thực hiện theo trình tự, thủ tục đó.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Thanh toán tiền thuế, tiền phạt.

1. Đối với trường hợp người nộp thuế nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước thông qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng và tổ chức dịch vụ theo quy định của pháp luật, cơ quan quản lý thuế mở tài khoản chuyên thu ngân sách nhà nước tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng để tập trung các nguồn thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước. Cuối ngày làm việc chuyển kịp thời, đầy đủ toàn bộ các khoản thu này vào tài khoản Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước.

Bộ Tài chính quy định việc nộp các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước vào Quỹ Ngân sách nhà nước; việc mở tài khoản, kế toán tiền thuế của người nộp thuế và việc chuyển tiền thuế đã nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Thứ tự thanh toán tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền phạt vi phạm hành chính về pháp luật thuế thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Luật Quản lý thuế.

3. Các khoản tiền thuế, tiền phạt vi phạm hành chính về thuế được nộp vào Quỹ Ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước.”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Xử lý số tiền thuế, tiền phạt nộp thừa.

1. Tiền thuế, tiền phạt được coi là nộp thừa khi:

a) Người nộp thuế có số tiền thuế, tiền phạt đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền phạt phải nộp; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 111 Luật Quản lý thuế;

b) Người nộp thuế có số tiền thuế được hoàn theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân và phí xăng dầu.

2. Người nộp thuế có quyền yêu cầu cơ quan quản lý thuế giải quyết số tiền thuế, tiền phạt nộp thừa theo các cách sau:

a) Bù trừ số tiền thuế, tiền phạt nộp thừa với số tiền thuế, tiền phạt còn nợ, kể cả việc bù trừ giữa các loại thuế với nhau;

b) Trừ vào số tiền thuế phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo;

c) Hoàn trả tiền thuế, tiền phạt nộp thừa khi người nộp thuế không còn nợ tiền thuế, tiền phạt (bao gồm cả trường hợp nộp thừa do thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng).

3. Người nộp thuế đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự được cơ quan thuế trực tiếp quản lý giải quyết số tiền thuế nộp thừa theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Bộ Tài chính quy định thủ tục bù trừ tiền thuế, tiền phạt nêu tại điểm a khoản 2 Điều này.

5. Tổ chức chi trả thu nhập tiền lương, tiền công được cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân có trách nhiệm bù trừ số thuế nộp thừa, nộp thiếu, khấu trừ số thuế còn phải nộp, hoàn thuế cho cá nhân nộp thừa khi quyết toán thuế. Bộ Tài chính quy định cụ thể việc thực hiện khoản này.”

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Gia hạn nộp thuế.

1. Trường hợp được gia hạn:

Người nộp thuế được gia hạn nộp thuế, nộp phạt đối với số tiền thuế, tiền phạt còn nợ nếu không có khả năng nộp thuế đúng hạn trong các trường hợp sau đây:

a) Bị thiệt hại vật chất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh do gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ;

b) Di chuyển địa điểm kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà doanh nghiệp phải ngừng hoạt động và làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh;

c) Do chính sách của Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế;

d) Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản có số tiền thuế nợ do nguyên nhân chưa được thanh toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước;

đ) Thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà đất được Nhà nước giao đất hoặc đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất nhưng chưa giải phóng mặt bằng, chưa bàn giao đất dẫn đến không có nguồn nộp ngân sách nhà nước;

e) Gặp khó khăn khách quan đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc gia hạn nộp thuế quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này.

2. Số tiền thuế, tiền phạt được gia hạn:

a) Đối với trường hợp nêu tại điểm a khoản 1 Điều này là tổng số tiền thuế, tiền phạt người nộp thuế còn nợ tính đến thời điểm xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, nhưng tối đa không quá trị giá vật chất bị thiệt hại;

b) Đối với trường hợp nêu tại các điểm b, c, d, đ, và điểm e khoản 1 Điều này là số tiền thuế, tiền phạt phát sinh do các nguyên nhân đó gây ra.

3. Thời gian gia hạn nộp thuế:

a) Thời gian gia hạn nộp thuế tối đa không quá hai năm, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đối với trường hợp nêu tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Thời gian gia hạn nộp thuế tối đa không quá một năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đối với trường hợp nêu tại các điểm b, c, d, đ và điểm e khoản 1 Điều này.

4. Quy định khác về gia hạn nộp thuế thực hiện theo Luật Quản lý thuế.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Ấn định số tiền thuế.

1. Người nộp thuế bị cơ quan thuế ấn định số tiền thuế phải nộp trong các trường hợp sau:

a) Không đăng ký thuế theo quy định tại Điều 22 của Luật Quản lý thuế;

b) Không nộp hồ sơ khai thuế trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định;

c) Không bổ sung hồ sơ khai thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế hoặc đã bổ sung hồ sơ khai thuế nhưng không đầy đủ, trung thực, chính xác các căn cứ tính thuế để xác định số thuế phải nộp;

d) Không xuất trình tài liệu kế toán, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu liên quan đến việc xác định các yếu tố làm căn cứ tính thuế khi đã hết thời hạn kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế;

đ) Trường hợp kiểm tra thuế, thanh tra thuế, có căn cứ chứng minh người nộp thuế hạch toán kế toán không đúng quy định, số liệu trên sổ kế toán không đầy đủ, không chính xác, trung thực dẫn đến không xác định đúng các yếu tố làm căn cứ tính số thuế phải nộp;

e) Có dấu hiệu bỏ trốn hoặc phát tán tài sản để không thực hiện nghĩa vụ thuế;

g) Đã nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan quản lý thuế nhưng không tự tính được số thuế phải nộp.

2. Đối với một số ngành nghề, hoạt động kinh doanh qua kiểm tra, thanh tra phát hiện có sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ không đầy đủ hoặc kê khai, tính thuế không đúng với thực tế thì cơ quan thuế ấn định tỷ lệ giá trị gia tăng, tỷ lệ thu nhập

tính trên doanh thu do Bộ Tài chính quy định áp dụng đối với từng ngành nghề, hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ.

3. Người nộp thuế bị cơ quan Hải quan ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau:

a) Khai thuế dựa vào các tài liệu không hợp pháp để khai thuế, tính thuế; không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ, chính xác các nội dung liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế;

b) Từ chối hoặc trì hoãn, kéo dài quá thời hạn quy định về việc cung cấp các tài liệu liên quan cho cơ quan hải quan để xác định số thuế phải nộp; không chứng minh hoặc quá thời hạn quy định mà không giải trình được các nội dung liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật;

c) Cơ quan Hải quan có đủ cơ sở chứng minh việc khai báo trị giá hải quan của người nộp thuế không đúng với trị giá giao dịch thực tế;

d) Người khai thuế không tự tính được số thuế phải nộp;

đ) Các trường hợp khác do cơ quan Hải quan hoặc cơ quan khác phát hiện việc kê khai, tính thuế không đúng với quy định của pháp luật thuế.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Hải quan có thẩm quyền ấn định thuế quy định tại khoản này.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 27 như sau:

“2. Các thông tin về:

a) Người nộp thuế kinh doanh cùng mặt hàng, ngành nghề, cùng quy mô tại địa phương. Trường hợp tại địa phương không có thông tin về mặt hàng, ngành nghề, quy mô kinh doanh của người nộp thuế thì lấy thông tin về mặt hàng, ngành nghề, quy mô của người nộp thuế tại địa phương khác;

b) Số thuế phải nộp bình quân của một số cơ sở kinh doanh cùng ngành nghề, cùng mặt hàng tại địa phương. Trường hợp tại địa phương không có thông tin về một số cơ sở kinh doanh cùng ngành nghề, cùng mặt hàng của người nộp thuế thì lấy số thuế phải nộp bình quân của một số cơ sở kinh doanh cùng ngành nghề, mặt hàng tại địa phương khác.

3. Tài liệu, kết quả kiểm tra, thanh tra còn hiệu lực.”

18. Bổ sung vào sau Điều 27 Điều 27A như sau:

“Điều 27A. Tổ chức trả các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được tự in chứng từ khấu trừ để cấp cho cá nhân bị khấu trừ thuế. Bộ Tài chính quy định cụ thể điều kiện được tự in chứng từ khấu trừ, mẫu chứng từ, việc phát hành, sử dụng, quản lý chứng từ khấu trừ tự in.”

19. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 28 như sau:

“b) Đối với trường hợp khác, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 42 của Luật Quản lý thuế.

Bộ Công thương ban hành danh mục hàng hóa nhập khẩu là hàng tiêu dùng để làm căn cứ thực hiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 42 Luật Quản lý thuế.”

20. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2 và 3 Điều 29 như sau:

“2. Người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều này phải có xác nhận của cơ quan quản lý thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi xuất cảnh. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế bằng văn bản khi người nộp thuế có yêu cầu.

3. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân khi có thông báo bằng văn bản hoặc thông tin điện tử từ cơ quan quản lý thuế về việc người dự kiến xuất cảnh chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật trước khi xuất cảnh.”

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 30 như sau:

“2. Các trường hợp thuộc diện kiểm tra hồ sơ trước khi hoàn thuế:

a) Hoàn thuế theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Người nộp thuế đề nghị hoàn thuế lần đầu, trừ trường hợp đề nghị hoàn thuế thu nhập cá nhân;

c) Người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm, kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận về thuế.

Trường hợp người nộp thuế có nhiều lần đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm, nếu trong lần đề nghị hoàn thuế đầu tiên tính từ sau thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận về thuế, cơ quan thuế kiểm tra hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn quy định tại Điều 107 Luật Quản lý thuế, hoặc hành vi trốn thuế,

gian lận thuế quy định tại Điều 108 Luật Quản lý thuế thì những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không thuộc diện kiểm tra trước khi hoàn thuế. Trường hợp phát hiện những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, người nộp thuế có hành vi khai sai đối với hồ sơ hoàn thuế, hành vi trốn thuế, gian lận về thuế quy định tại Điều 107, Điều 108 Luật Quản lý thuế thì hồ sơ đề nghị hoàn thuế vẫn thuộc đối tượng kiểm tra trước hoàn theo đúng thời hạn 02 năm, kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận về thuế;

d) Hàng hóa dịch vụ trong bộ hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không thực hiện giao dịch thanh toán qua ngân hàng theo quy định;

đ) Doanh nghiệp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức sở hữu, chấm dứt hoạt động; giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước;

e) Hết thời hạn theo thông báo bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế nhưng người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế. Quy định này không áp dụng đối với phần hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện và thủ tục hoàn thuế theo quy định;

g) Người nộp thuế còn nợ chứng từ thanh toán qua ngân hàng tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cơ quan Hải quan hoàn thuế;

h) Hàng hóa nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra trước hoàn thuế sau theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế thực hiện theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 60 Luật Quản lý thuế. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế các cấp ra quyết định hoàn thuế. Trường hợp việc giải quyết hồ sơ hoàn thuế chậm do lỗi của cơ quan quản lý thuế thì ngoài số tiền thuế được hoàn theo quy định, người nộp thuế còn được trả tiền lãi tính trên số thuế bị hoàn chậm và thời gian chậm hoàn thuế; lãi suất để tính lãi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này. Nguồn trả tiền lãi được lấy từ quỹ hoàn thuế theo quy định của Bộ Tài chính.”

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 31 như sau:

“1. Người nộp thuế tự xác định số tiền thuế được miễn, xét miễn, giảm trong hồ sơ khai thuế hoặc hồ sơ miễn, xét miễn, giảm thuế gửi cho cơ quan quản lý thuế, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.”

b) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 31 như sau:

“a) Miễn, giảm thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân cho người nộp thuế bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ không có khả năng nộp

thuế theo quy định của pháp luật; miễn thuế nhà, đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp, tiền thuê đất, thuê mặt nước cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật. Bộ Tài chính quy định cụ thể việc miễn, giảm thuế quy định tại điểm này;”

23. Sửa đổi, bổ sung các khoản 6, 7 Điều 33 thành các khoản 6, 7 và 8 mới như sau:

“6. Cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có trách nhiệm cung cấp thông tin về chính sách quản lý đối với hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế, bao gồm xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, các hoạt động ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu, đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa của Việt Nam và nước ngoài, các thông tin khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

7. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế cung cấp thông tin về người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế.

8. Các cơ quan quản lý Nhà nước khác có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý thuế xây dựng và thực hiện việc cung cấp thông tin về người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế.”

24. Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 42 như sau:

“c) Quyết định hoàn thuế; quyết định không thu thuế;”

25. Thay thế cụm từ “thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao” thành “thuế thu nhập cá nhân”, “thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất” thành “thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 29, Điều 31 Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân như sau:

“Điều 29. Khai thuế thu nhập cá nhân.

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế và cá nhân có thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân thực hiện khai thuế như sau:

1. Khai thuế theo tháng:

a) Khai thuế theo tháng áp dụng với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập có thực hiện khấu trừ thuế đối với:

- Thu nhập từ tiền lương, tiền công;
- Thu nhập từ đầu tư vốn;
- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán;
- Thu nhập từ trúng thưởng;
- Thu nhập từ bản quyền;
- Thu nhập từ nhượng quyền thương mại;
- Thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú.

b) Hồ sơ khai thuế tháng là Tờ khai thuế thu nhập cá nhân.

2. Khai thuế theo quý:

a) Khai thuế quý áp dụng với cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh có thu nhập từ kinh doanh thực hiện nộp thuế theo phương thức kê khai. Hồ sơ khai thuế là tờ khai tạm nộp thuế thu nhập cá nhân.

b) Khai thuế theo quý đối với tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập hàng tháng có tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ theo từng loại tờ khai thuế thấp hơn 5 triệu đồng. Hồ sơ khai thuế là tờ khai thuế thu nhập cá nhân.

3. Khai thuế theo năm:

a) Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

- Khai quyết toán thuế năm đối với các khoản thu nhập chịu thuế, số thuế đã khấu trừ và các khoản giảm trừ khác (nếu có).

- Hồ sơ khai thuế:

+ Tờ khai thuế thu nhập cá nhân;

+ Bảng kê thu nhập chịu thuế và thu nhập cá nhân đã khấu trừ.

b) Đối với cá nhân:

- Khai quyết toán thuế năm đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ kinh doanh có số thuế phải nộp lớn hơn số thuế đã khấu trừ hoặc có yêu cầu hoàn thuế, bù trừ thuế vào kỳ sau.

Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại một nơi duy nhất ủy quyền cho tổ chức chi trả thu nhập quyết toán thuế thay.

- Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20%.

- Cá nhân kinh doanh, nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện phương thức khoán thuế khai thuế mỗi năm một lần.

4. Khai thuế theo từng lần phát sinh áp dụng đối với:

- a) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản;
- b) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn;
- c) Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng.

5. Khai thuế đối với một số trường hợp khác của cá nhân cư trú có thu nhập phát sinh tại nước ngoài.

6. Bộ Tài chính quy định về hồ sơ khai thuế đối với các trường hợp nêu tại điểm b khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.”

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng